

KẾT QUẢ KIỂM TRA NỘI BỘ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ BẠC 3
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẠC DÙNG CHO VIỆT NAM
(ĐỢT KIỂM TRA NGÀY 02/8/2025)

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
1	23901001	B001	Hoàng Ngọc Thu	An	06/09/2005	Nữ	7.0	5.5	4.5	5.5	22.5	5.63	Đạt
2	23901002	B002	Ksor H'	An	01/12/2005	Nữ	6.0	7.5	8.5	7.0	29.0	7.25	Đạt
3	22607002	B003	Nguyễn Mỹ Thùy	An	31/08/2004	Nữ	8.0	7.5	3.5	6.5	25.5	6.38	Đạt
4	24607002	B004	Nguyễn Thị Bình	An	05/11/2006	Nữ	5.5	7.0	9.0	6.0	27.5	6.88	Đạt
5	23305149	B005	Nguyễn Trường	An	25/05/2005	Nam	5.0	7.5	9.0	5.0	26.5	6.63	Đạt
6	22305005	B006	Đỗ Thiên	Ấn	03/07/2004	Nữ	6.5	8.0	8.0	8.0	30.5	7.63	Đạt
7	22302003	B007	Huỳnh Ngọc Kiều	Anh	18/09/2003	Nữ	3.0	7.0	9.0	6.0	25.0	6.25	Đạt
8	21404002	B008	Nguyễn Hoàng	Anh	29/12/2003	Nam	0.0	7.5	5.5	5.5	18.5	4.63	Không đạt
9	22601001	B009	Nguyễn Kim	Anh	12/12/2003	Nữ	7.5	7.0	3.5	6.5	24.5	6.13	Đạt
10	22607037	B010	Nguyễn Thảo Lam	Anh	13/11/2002	Nữ	7.5	7.5	9.0	6.5	30.5	7.63	Đạt
11	23902002	B011	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	05/02/2005	Nữ	5.0	7.5	8.5	6.5	27.5	6.88	Đạt
12	23403007	B012	Nguyễn Thị Vân	Anh	08/12/2005	Nữ	5.0	7.0	3.0	4.0	19.0	4.75	Không đạt
13	19307295	B013	Rmah	Anh	04/06/2000	Nam	2.0	7.0	3.0	6.0	18.0	4.50	Không đạt
14	22406005	B014	Trương Thị Mai	Anh	24/01/2004	Nữ	7.0	7.5	7.5	6.5	28.5	7.13	Đạt
15	23901071	B015	Lê Ngọc	Ánh	12/11/2005	Nữ	7.0	7.5	7.0	7.5	29.0	7.25	Đạt
16	22403005	B016	Vũ Thị Ngọc	Ánh	23/09/2004	Nữ	4.0	7.5	9.0	6.0	26.5	6.63	Đạt
17	22401013	B017	H'ngoanh	Arul	13/07/2004	Nữ	1.0	7.5	8.5	6.5	23.5	5.88	Đạt
18	23301021	B018	Kpă H'	Ấu	15/02/2005	Nữ	5.0	7.5	3.0	7.0	22.5	5.63	Đạt
19	21302002	B019	Y Sâm	Ayun	22/07/2002	Nam	3.0	7.0	7.5	6.5	24.0	6.00	Đạt
20	23902003	B020	H' Luân	Ayũn	07/02/2005	Nữ	8.0	7.0	7.0	7.5	29.5	7.38	Đạt
21	23305007	B021	Nguyễn Hoàng	Bảo	17/01/2005	Nam							Vắng
22	21404004	B022	Nguyễn Ngọc	Bảo	18/12/2003	Nam	2.0	7.5	6.0	6.0	21.5	5.38	Đạt
23	21305007	B023	Trương Doãn	Bảo	16/06/2003	Nam	2.0	7.5	8.5	5.0	23.0	5.75	Đạt
24	22902002	B024	Li Xa	Ber	20/03/2004	Nữ	6.5	5.0	7.5	7.5	26.5	6.63	Đạt
25	22607007	B025	Mai Thanh	Bình	04/08/2003	Nữ	5.0	7.0	8.0	5.5	25.5	6.38	Đạt
26	22410004	B026	Võ Quang	Bình	17/08/2004	Nam	2.0	7.0	8.5	3.0	20.5	5.13	Đạt
27	23103006	B027	Mùa Thị	Blông	03/09/2003	Nữ	8.0	7.0	9.5	6.0	30.5	7.63	Đạt
28	22903005	B028	H' Mừng	Byă	26/09/2004	Nữ	2.0	7.0	9.5	4.5	23.0	5.75	Đạt
29	22903006	B029	H Thiệp	Byă	18/05/2004	Nữ	2.0	7.5	8.5	4.0	22.0	5.50	Đạt
30	22402009	B030	Nguyễn Hoàng	Chánh	20/11/2004	Nam	6.0	7.5	6.5	5.0	25.0	6.25	Đạt
31	22902004	B031	Phan Thị Minh	Châu	05/01/2004	Nữ	7.0	7.5	9.0	7.5	31.0	7.75	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
32	22309002	B032	Dương Linh	Chi	15/06/2004	Nữ	5.0	7.0	8.5	6.0	26.5	6.63	Đạt
33	22403012	B033	Lương Thị Kim	Chi	13/02/2004	Nữ	6.0	7.0	8.5	5.5	27.0	6.75	Đạt
34	22402010	B034	Phùng Đỗ Kim	Chi	30/10/2004	Nữ	4.0	7.0	3.0	5.0	19.0	4.75	Không đạt
35	22402011	B035	Lê Đình	Chinh	25/04/2004	Nam	4.0	7.5	3.0	5.5	20.0	5.00	Đạt
36	23301003	B036	Lê Phạm Quốc	Chung	01/10/2005	Nam							Hoãn thi
37	23902005	B037	H Uyên	Cil	06/11/2001	Nữ	5.5	7.5	9.0	8.0	30.0	7.50	Đạt
38	20309054	B038	Ksor Mai	Cơn	15/03/2002	Nam	4.0	7.5	8.0	5.0	24.5	6.13	Đạt
39	22307012	B039	Bá Văn	Công	14/10/2003	Nam	2.0	7.5	9.0	6.0	24.5	6.13	Đạt
40	23105004	B040	Mai Thị	Cúc	20/02/2005	Nữ	6.5	7.5	9.0	7.5	30.5	7.63	Đạt
41	22410012	B041	Lê Thành	Đạt	01/08/2004	Nam	5.0	7.5	9.0	3.5	25.0	6.25	Đạt
42	23901012	B042	Nguyễn Thọ Thu	Đây	21/10/2005	Nam	6.0	7.0	9.0	5.5	27.5	6.88	Đạt
43	22309003	B043	H'	Diễm	27/09/2004	Nữ	2.5	5.5	9.0	6.5	23.5	5.88	Đạt
44	20302002	B044	Huỳnh Bá	Diệp	28/11/2002	Nam	0.0	5.5	9.5	5.5	20.5	5.13	Không đạt
45	22903010	B045	Ksor H'	Diệu	19/10/2004	Nữ	1.0	7.5	8.5	4.5	21.5	5.38	Đạt
46	22601010	B046	Điêu	Đinh	15/12/2002	Nam	5.5	7.5	9.0	5.5	27.5	6.88	Đạt
47	22903012	B047	H' Lô	Du	27/03/2001	Nữ							Vắng
48	22101008	B048	Hà Minh	Đức	09/08/2004	Nam	6.5	8.5	8.5	6.5	30.0	7.50	Đạt
49	22305017	B049	Hoàng Việt	Đức	08/05/2003	Nam	8.0	7.5	9.5	7.0	32.0	8.00	Đạt
50	22105002	B050	Dương Thị Thanh	Dung	24/02/2004	Nữ	8.5	7.5	6.5	6.5	29.0	7.25	Đạt
51	22101004	B051	Vi Tấn	Dũng	01/01/2004	Nam	7.5	6.5	9.5	7.0	30.5	7.63	Đạt
52	21406016	B052	Châu Thị Thùy	Dương	13/07/2002	Nữ	7.0	7.5	9.5	8.0	32.0	8.00	Đạt
53	22305014	B053	Lê Minh	Dương	01/07/2004	Nam	5.5	7.5	9.0	5.0	27.0	6.75	Đạt
54	22101005	B054	Nguyễn Thị Thùy	Dương	25/03/2004	Nữ	9.0	8.0	7.0	8.5	32.5	8.13	Đạt
55	23302003	B055	Nguyễn Văn	Dương	19/11/2005	Nam	0.0	8.0	8.0	2.5	18.5	4.63	Không đạt
56	21305220	B056	Hồ Lâm Bảo	Duyên	03/11/2003	Nữ	9.0	8.5	8.0	7.0	32.5	8.13	Đạt
57	22403020	B057	Thân Thị Mỹ	Duyên	15/10/2004	Nữ	5.5	7.5	9.5	6.0	28.5	7.13	Đạt
58	21305018	B058	Trần Thị Thùy	Duyên	03/04/2003	Nữ	4.0	7.5	9.0	6.5	27.0	6.75	Đạt
59	22403021	B059	Võ Thị Mỹ	Duyên	09/01/2004	Nữ	6.0	6.5	9.5	5.5	27.5	6.88	Đạt
60	21601035	B060	H Ana	Êban	12/04/2003	Nữ	7.5	5.5	9.0	7.0	29.0	7.25	Đạt
61	21607004	B061	H Du	Êban	20/02/2003	Nữ	0.0	5.5	9.5	6.5	21.5	5.38	Không đạt
62	23410031	B062	H Dui	Êban	05/07/2005	Nữ	0.0	5.5	9.0	6.0	20.5	5.13	Không đạt
63	22902009	B063	H San Ly	Êban	29/07/2004	Nữ	7.0	6.5	8.5	7.0	29.0	7.25	Đạt
64	20305024	B064	Y Tê Phan	Êban	27/05/2002	Nam	5.0	7.0	7.0	5.5	24.5	6.13	Đạt
65	22413006	B065	Giăng Thị	Gầu	11/08/2004	Nữ	7.5	5.0	8.0	3.5	24.0	6.00	Đạt
66	20412063	B066	Đặng Quỳnh	Giang	22/06/2002	Nữ	3.0	7.0	9.5	6.0	25.5	6.38	Đạt
67	24901031	B067	Lê Hà	Giang	07/09/2006	Nữ	7.0	7.5	9.0	8.0	31.5	7.88	Đạt
68	22410014	B068	Phạm Thị Trà	Giang	17/01/2004	Nữ	7.5	6.5	8.0	6.5	28.5	7.13	Đạt
69	22305145	B069	Trần Thị Thanh	Giang	14/03/2004	Nữ	7.5	7.5	9.0	7.5	31.5	7.88	Đạt
70	23101006	B070	Sùng A	Giăng	12/08/2002	Nam	8.0	7.0	9.0	8.0	32.0	8.00	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
71	22403027	B071	Ka	Glêm	16/06/2004	Nữ	3.0	7.0	7.0	2.0	19.0	4.75	Không đạt
72	22406058	B072	Ka	Glếu	01/07/2002	Nữ	1.0	7.0	9.5	2.0	19.5	4.88	Không đạt
73	23903020	B073	Nay H'	Gran	23/06/2004	Nữ	5.0	7.0	4.5	4.0	20.5	5.13	Đạt
74	22903019	B074	Ksor H'	Grin	14/10/2003	Nữ	1.0	7.0	9.0	3.0	20.0	5.00	Đạt
75	24412017	B075	Hoàng Thị Thu	Hà	28/03/2002	Nữ	9.0	8.5	9.0	7.0	33.5	8.38	Đạt
76	22403029	B076	Nguyễn Thị Mỹ	Hà	02/06/2004	Nữ	6.0	8.0	9.5	4.0	27.5	6.88	Đạt
77	23902008	B077	Trần Thị Thu	Hà	20/04/2005	Nữ	8.0	8.5	9.0	7.5	33.0	8.25	Đạt
78	22309006	B078	Nguyễn Thị Đan	Hạ	06/10/2004	Nữ	7.0	7.5	9.0	7.0	30.5	7.63	Đạt
79	20309064	B079		Hải	13/12/1999	Nữ	6.0	7.5	9.5	5.5	28.5	7.13	Đạt
80	22406015	B080	Cao Gia	Hân	26/05/2004	Nữ	8.0	7.0	9.0	5.5	29.5	7.38	Đạt
81	22410018	B081	Hồ Thị Thanh	Hăng	23/05/2004	Nữ	4.0	7.5	9.5	4.0	25.0	6.25	Đạt
82	22412017	B082	Lê Thị Thu	Hăng	22/08/2003	Nữ	7.0	7.5	9.0	6.5	30.0	7.50	Đạt
83	21307079	B083	Nguyễn Thị Thanh	Hăng	09/05/2002	Nữ	8.0	7.0	6.5	7.0	28.5	7.13	Đạt
84	22403036	B084	Trần Thị Lệ	Hăng	02/10/2004	Nữ	4.0	8.0	9.5	2.0	23.5	5.88	Đạt
85	23305034	B085	Văn Lệ	Hăng	08/08/2005	Nữ	5.5	8.0	9.5	6.5	29.5	7.38	Đạt
86	23105005	B086	Võ Thị Thu	Hăng	21/01/2005	Nữ							Vắng
87	21305032	B087	Nguyễn Quốc	Hảo	29/09/2003	Nam	4.0	7.5	9.0	4.0	24.5	6.13	Đạt
88	18307104	B088	Phan Văn	Hậu	12/05/2000	Nam	7.0	7.0	9.5	3.5	27.0	6.75	Đạt
89	23604004	B089	H' Duly	H'druế	17/08/2005	Nữ	3.0	7.0	6.0	5.0	21.0	5.25	Đạt
90	21307080	B090	Triệu Thị Mai	Hiên	08/11/2003	Nữ	7.5	8.0	6.0	6.5	28.0	7.00	Đạt
91	21307082	B091	Đào Thị Thanh	Hiên	01/08/2003	Nữ	7.5	7.5	6.5	7.0	28.5	7.13	Đạt
92	22402024	B092	Hoàng Thu	Hiên	23/02/2004	Nữ	5.5	7.0	7.5	4.0	24.0	6.00	Đạt
93	22309008	B093	Huỳnh Thị Ngọc	Hiên	31/05/2004	Nữ	1.0	7.0	8.5	4.0	20.5	5.13	Đạt
94	21402049	B094	Nguyễn Minh	Hiên	18/10/2003	Nam	2.0	6.0	9.0	3.0	20.0	5.00	Đạt
95	22305022	B095	Nguyễn Phương Xuân	Hiên	26/04/2004	Nữ	2.0	5.0	3.5	1.5	12.0	3.00	Không đạt
96	21402230	B096	Lê Trung	Hiếu	05/05/2003	Nam	6.0	7.5	9.0	6.5	29.0	7.25	Đạt
97	21305229	B097	Nguyễn Minh	Hiếu	24/10/2003	Nam	7.5	7.0	9.5	7.0	31.0	7.75	Đạt
98	19404009	B098	Võ Trung	Hiếu	10/03/2001	Nam	7.5	7.5	7.0	6.5	28.5	7.13	Đạt
99	23103106	B099	H'-uyên	Hlong	15/05/2005	Nữ	7.0	7.5	9.0	6.0	29.5	7.38	Đạt
100	22902012	B100	H' Sa La Mi -	Hmök	29/10/2004	Nữ	2.0	7.0	5.0	4.5	18.5	4.63	Không đạt
101	22305025	B101	Lý Thị	Hoa	08/01/2004	Nữ	6.0	6.5	6.0	6.5	25.0	6.25	Đạt
102	22305146	B102	Trần Thị	Hoà	13/11/2004	Nữ	2.0	7.0	9.5	0.0	18.5	4.63	Không đạt
103	21305041	B103	Nguyễn Đại	Hóa	19/05/1998	Nam							Vắng
104	21607007	B104	Nguyễn Thị Thúy	Hoài	18/08/2003	Nữ	8.0	5.5	5.0	7.5	26.0	6.50	Đạt
105	22302010	B105	Lê Huy	Hoàn	29/07/2004	Nam	5.0	5.5	4.5	2.0	17.0	4.25	Không đạt
106	22302011	B106	Bùi Huy	Hoàng	19/07/2004	Nam	5.0	5.5	3.5	6.5	20.5	5.13	Đạt
107	22302012	B107	Bùi Sỹ	Hoàng	13/08/2003	Nam	5.5	6.5	4.5	4.0	20.5	5.13	Đạt
108	21601043	B108	Đặng Vi	Hoàng	29/09/2003	Nữ							Vắng
109	20403042	B109	Ngô Minh	Hoàng	08/10/2002	Nam	4.0	5.5	5.0	1.0	15.5	3.88	Không đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
110	21305330	B110	Nguyễn Huy	Hoàng	04/06/2003	Nam	8.0	6.0	3.0	6.5	23.5	5.88	Đạt
111	17101017	B111	Phạm Huy	Hoàng	25/09/1999	Nam	6.0	7.0	7.0	6.5	26.5	6.63	Đạt
112	23604005	B112	Ksor H	Hông	05/12/2004	Nữ	6.5	7.0	7.0	5.0	25.5	6.38	Đạt
113	23903028	B113	Ksor H'	Hồng	13/09/2004	Nữ							Vắng
114	17307096	B114	Trần Đỗ Bảo	Huân	18/04/1998	Nam	9.0	5.5	8.5	7.0	30.0	7.50	Đạt
115	22403044	B115	Nguyễn Thị	Huệ	05/04/2004	Nữ	4.0	7.0	9.5	6.5	27.0	6.75	Đạt
116	22901014	B116	Nguyễn Thị	Huệ	10/10/2004	Nữ	7.0	8.0	3.5	5.5	24.0	6.00	Đạt
117	23901021	B117	K'	Hùng	02/02/2004	Nam	6.5	6.5	4.0	6.5	23.5	5.88	Đạt
118	20402214	B118	Nguyễn Phi	Hùng	07/10/2002	Nam	5.5	7.0	2.5	5.5	20.5	5.13	Đạt
119	21302009	B119	Cao Duy	Hưng	29/06/2003	Nam	6.5	7.0	8.5	7.0	29.0	7.25	Đạt
120	22410022	B120	Lê Duy	Hưng	25/03/2004	Nam	5.5	8.0	7.0	4.0	24.5	6.13	Đạt
121	22901015	B121	Lê Thị Thu	Hương	05/01/2004	Nữ	6.5	8.5	2.5	6.0	23.5	5.88	Đạt
122	22604005	B122	Bùi Cao Nguyên	Hương	24/10/2004	Nữ	7.5	8.5	6.0	6.5	28.5	7.13	Đạt
123	20307099	B123	Đặng Hoàng Mai	Hương	09/02/2002	Nữ	8.0	8.0	6.0	7.5	29.5	7.38	Đạt
124	22607014	B124	Hoàng Xuân	Hương	28/01/2004	Nữ	1.0	8.0	7.5	1.0	17.5	4.38	Không đạt
125	24104007	B125	Nguyễn Lệ	Hương	20/11/2006	Nữ	8.0	8.0	7.5	7.5	31.0	7.75	Đạt
126	23601007	B126	Triệu Thị Thu	Hương	12/04/2005	Nữ	7.0	8.5	4.0	7.0	26.5	6.63	Đạt
127	21305206	B127	Hồ Minh	Hữu	05/06/2003	Nam	6.0	8.5	2.5	6.0	23.0	5.75	Đạt
128	22410020	B128	Lê Thanh	Huy	13/11/2004	Nam	6.5	8.0	7.0	3.0	24.5	6.13	Đạt
129	22406018	B129	Phạm Nguyễn Tuấn	Huy	23/11/2004	Nam	7.5	7.0	7.0	4.5	26.0	6.50	Đạt
130	22305028	B130	Phạm Quang	Huy	02/04/2004	Nam	5.5	8.0	7.0	4.0	24.5	6.13	Đạt
131	22305029	B131	Phạm Văn	Huy	04/05/2004	Nam	5.0	8.5	7.0	4.5	25.0	6.25	Đạt
132	20303005	B132	Trần Hoàng	Huy	21/12/2001	Nam	4.0	7.0	1.0	4.0	16.0	4.00	Không đạt
133	22305030	B133	Trần Hữu	Huy	06/06/2004	Nam	6.5	7.5	9.0	3.5	26.5	6.63	Đạt
134	21402235	B134	Trịnh Đức	Huy	12/05/2003	Nam	7.5	7.0	9.5	6.5	30.5	7.63	Đạt
135	21402061	B135	Trương Quang	Huy	09/12/2003	Nam	7.0	7.5	6.5	6.5	27.5	6.88	Đạt
136	23403041	B136	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	27/12/2005	Nữ	7.5	8.0	9.0	6.0	30.5	7.63	Đạt
137	22601021	B137	H' Sun Chong Niê	Kdăm	10/09/2004	Nữ	6.0	8.5	3.0	7.0	24.5	6.13	Đạt
138	20305210	B138	Rơô	Khanh	04/05/2002	Nam	2.0	7.0	8.0	0.5	17.5	4.38	Không đạt
139	23301005	B139	Trần Châu	Khanh	02/08/2005	Nữ	6.5	6.0	5.0	6.5	24.0	6.00	Đạt
140	21404015	B140	Huỳnh Đức	Khánh	23/10/2002	Nam	2.0	7.0	8.0	3.0	20.0	5.00	Đạt
141	20406051	B141	Trần Văn	Khánh	01/01/2002	Nam	5.0	7.0	9.0	1.5	22.5	5.63	Đạt
142	21302011	B142	Nguyễn Văn	Khiêm	10/04/2003	Nam	7.0	7.0	8.5	7.5	30.0	7.50	Đạt
143	21309010	B143	Kơ Pă	Khiên	15/10/2003	Nam	7.0	7.0	6.0	4.0	24.0	6.00	Đạt
144	22401006	B144	Mạc Đăng	Khoa	09/11/2004	Nam	5.0	7.0	9.0	5.5	26.5	6.63	Đạt
145	23902011	B145	Nguyễn Anh	Khoa	13/01/2005	Nam	7.0	7.0	4.5	8.0	26.5	6.63	Đạt
146	21404054	B146	Nguyễn Huỳnh Đăng	Khôi	22/08/2003	Nam	2.0	7.0	8.5	1.0	18.5	4.63	Không đạt
147	22303004	B147	Nguyễn Hồng	Kiệm	29/10/2003	Nam	7.5	8.0	9.5	7.0	32.0	8.00	Đạt
148	24605012	B148	Ksor	Kiết	08/08/2006	Nam	5.0	6.5	8.5	2.5	22.5	5.63	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
149	20307110	B149	Nguyễn Văn	Kiều	26/07/2002	Nam	5.0	6.0	7.0	4.0	22.0	5.50	Đạt
150	22309013	B150	Bùi Hồ Hoàng	Kim	20/10/2004	Nữ	4.0	7.0	9.0	2.5	22.5	5.63	Đạt
151	22406021	B151	H Khuê Buôn	Krông	31/01/2004	Nữ	7.0	5.5	9.0	6.0	27.5	6.88	Đạt
152	18307442	B152	H Yoi	Ktla	03/09/1999	Nữ							Vắng
153	22101016	B153	Nguyễn Đỗ Quốc	Kỳ	20/02/2004	Nam	1.0	6.0	2.5	3.0	12.5	3.13	Không đạt
154	21305244	B154	Huỳnh Quốc	Lâm	13/09/2003	Nam	4.0	5.0	5.5	7.0	21.5	5.38	Đạt
155	22302017	B155	Vũ Đức	Lâm	25/08/2004	Nam	1.0	5.0	3.0	2.0	11.0	2.75	Không đạt
156	23103041	B156	Hoàng Thị	Lan	23/01/2005	Nữ	6.0	5.0	9.0	5.5	25.5	6.38	Đạt
157	22601022	B157	Nay - H -	Lần	17/02/2004	Nữ	6.5	5.5	6.0	7.5	25.5	6.38	Đạt
158	23901025	B158	Trương Thị Đan	Lê	21/04/2005	Nữ	8.0	5.5	7.0	7.0	27.5	6.88	Đạt
159	24605013	B159	Liêng Jrang K' Đa	Len	02/02/2006	Nữ	5.0	7.5	9.0	4.5	26.0	6.50	Đạt
160	22601023	B160	Hoàng Thị Trúc	Li	21/04/2004	Nữ	8.0	6.5	9.0	7.0	30.5	7.63	Đạt
161	24901153	B161	Đinh Mai Quỳnh	Liều	04/04/2005	Nữ	7.0	5.5	5.5	7.0	25.0	6.25	Đạt
162	22102006	B162	Bế Thị Thùy	Linh	04/12/2004	Nữ	4.0	5.5	2.0	5.5	17.0	4.25	Không đạt
163	21406051	B163	Bùi Thị Mỹ	Linh	06/11/2003	Nữ	6.0	6.0	5.0	5.0	22.0	5.50	Đạt
164	21403213	B164	Đặng Thị Khánh	Linh	01/01/2003	Nữ	4.0	6.0	7.0	6.0	23.0	5.75	Đạt
165	21601125	B165	Đỗ Thị Phương	Linh	17/04/2003	Nữ	7.0	6.0	8.5	6.0	27.5	6.88	Đạt
166	22402055	B166	Nguyễn Ánh	Linh	29/07/2004	Nữ	2.0	7.0	7.0	3.0	19.0	4.75	Không đạt
167	22309016	B167	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	28/01/2004	Nữ	7.0	7.0	9.0	6.5	29.5	7.38	Đạt
168	23301007	B168	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	27/03/2005	Nữ	6.5	7.0	9.5	3.0	26.0	6.50	Đạt
169	22601025	B169	Nguyễn Thị Phương	Linh	24/12/2004	Nữ	6.5	6.5	4.5	7.0	24.5	6.13	Đạt
170	21302015	B170	Nguyễn Thị Thùy	Linh	03/10/2003	Nữ							Vắng
171	23604008	B171	Nguyễn Thị Trúc	Linh	01/04/2005	Nữ	6.0	8.0	7.5	4.0	25.5	6.38	Đạt
172	23902016	B172	Phan Nguyễn Ngọc	Linh	17/01/2005	Nữ	8.5	7.0	9.0	8.0	32.5	8.13	Đạt
173	19901056	B173	Vũ Thị Thùy	Linh	19/06/2001	Nữ	1.0	6.5	8.5	4.0	20.0	5.00	Đạt
174	23302010	B174	Mai Văn	Linh	26/12/2004	Nam	5.0	6.5	9.0	5.5	26.0	6.50	Đạt
175	22413034	B175	Nguyễn Nguyên Đại	Lộc	20/01/2004	Nam	2.5	7.0	8.0	5.0	22.5	5.63	Đạt
176	16103040	B176	Nguyễn Tiến	Lộc	21/11/1998	Nam	6.0	7.0	7.0	6.5	26.5	6.63	Đạt
177	20403062	B177	Nguyễn Thị	Lợi	17/11/2002	Nữ	6.5	7.0	8.0	5.0	26.5	6.63	Đạt
178	20305162	B178	Đỗ Hoàng Bảo	Long	26/07/2002	Nam	3.5	6.5	9.0	5.0	24.0	6.00	Đạt
179	20101031	B179	Lưu Xuân	Long	01/01/2001	Nam	7.5	7.0	8.5	6.0	29.0	7.25	Đạt
180	22401015	B180	Niê Vũ Hoài Kim	Long	21/08/2004	Nam	1.0	7.0	8.0	3.5	19.5	4.88	Không đạt
181	22902015	B181	Adrong H'	Lương	20/06/2004	Nữ	8.0	7.0	6.0	6.5	27.5	6.88	Đạt
182	23103045	B182	Trần Xuân	Lương	02/04/2001	Nam							Vắng
183	22309017	B183	Ksor H'	Lus	27/10/2004	Nữ	6.0	6.5	9.0	5.5	27.0	6.75	Đạt
184	23601012	B184	Hoàng Thị	Luyến	27/04/2005	Nữ	8.5	6.5	9.0	7.5	31.5	7.88	Đạt
185	22305151	B185	Lê Đình	Luyến	14/09/2004	Nam	2.0	6.5	8.5	3.5	20.5	5.13	Đạt
186	23301010	B186	Lã Cẩm	Ly	20/12/2005	Nữ	9.0	6.5	9.0	7.0	31.5	7.88	Đạt
187	22305044	B187	Lê Thị Cẩm	Ly	10/08/2004	Nữ	1.5	6.5	8.5	6.5	23.0	5.75	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
188	22404036	B188	Nguyễn Thị Bích	Ly	01/03/2004	Nữ	9.0	6.5	8.5	7.5	31.5	7.88	Đạt
189	21404043	B189	Nguyễn Thị Thảo	Ly	02/11/2002	Nữ	5.0	6.5	5.0	4.5	21.0	5.25	Đạt
190	21305081	B190	Phạm Thị Cẩm	Ly	13/07/2003	Nữ	4.0	6.5	8.5	4.0	23.0	5.75	Đạt
191	22413010	B191	Phạm Thị Khánh	Ly	02/07/2004	Nữ	2.5	7.5	9.5	6.5	26.0	6.50	Đạt
192	18311084	B192	Phan Ngô Hương	Ly	24/10/1999	Nữ	7.5	6.5	9.5	7.0	30.5	7.63	Đạt
193	23601030	B193	Lâm Thị	Lý	13/08/2004	Nữ	9.0	7.0	8.0	7.0	31.0	7.75	Đạt
194	21601065	B194	Nguyễn Thị Ngọc	Lý	04/02/2003	Nữ	7.0	6.5	9.5	7.5	30.5	7.63	Đạt
195	21309059	B195	Nguyễn Tuyết Xuân	Mai	14/08/2003	Nữ	7.0	6.5	8.5	5.0	27.0	6.75	Đạt
196	22903093	B196	Trần Thị	Mai	15/09/2004	Nữ	5.5	6.5	8.5	6.0	26.5	6.63	Đạt
197	23105015	B197	Ksor Kim	Mãn	18/07/2005	Nữ	3.5	7.0	9.0	5.0	24.5	6.13	Đạt
198	24901071	B198	Ka	Mãn	30/07/2004	Nữ	8.5	6.5	8.5	3.5	27.0	6.75	Đạt
199	21305089	B199	Lê Văn	Mạnh	17/07/2003	Nam	4.0	7.0	9.5	5.5	26.0	6.50	Đạt
200	23305064	B200	Lê Quang	Minh	10/02/2005	Nam	6.0	7.0	7.5	7.0	27.5	6.88	Đạt
201	21410144	B201	Nguyễn Thế	Minh	20/03/2003	Nam	6.0	7.0	8.5	7.0	28.5	7.13	Đạt
202	21311019	B202	H Bích	Miêu	03/02/2003	Nữ	0.5	6.5	9.0	5.5	21.5	5.38	Không đạt
203	22601045	B203	H Ngắc	Miêu	19/06/2004	Nữ	7.0	6.5	8.0	6.5	28.0	7.00	Đạt
204	20903064	B204	H Tuyết	Miêu	07/08/2001	Nữ	1.5	6.5	8.5	4.0	20.5	5.13	Đạt
205	21309087	B205	H' Uy	Miêu	01/03/2002	Nữ	3.5	6.5	9.0	3.5	22.5	5.63	Đạt
206	23903050	B206	H' Yon	Miêu	25/10/2005	Nữ	4.5	5.5	6.0	5.5	21.5	5.38	Đạt
207	22903040	B207	Siu H'	Mrung	07/03/2004	Nữ	4.0	4.5	3.5	2.0	14.0	3.50	Không đạt
208	21406064	B208	Cao Thị Trà	My	30/07/2003	Nữ	5.0	7.0	7.5	2.0	21.5	5.38	Đạt
209	22412031	B209	Huỳnh Thị Trà	My	30/11/2004	Nữ	4.0	7.5	4.5	4.0	20.0	5.00	Đạt
210	22901030	B210	Ngô Thị Huyền	My	19/10/2004	Nữ	5.0	7.5	9.5	6.0	28.0	7.00	Đạt
211	21406065	B211	Huỳnh Thị Xuân	Mỹ	20/07/2002	Nữ	4.0	7.5	9.0	7.0	27.5	6.88	Đạt
212	20307143	B212	Phan Huỳnh Vi	Na	26/01/2002	Nữ	6.5	7.0	7.5	7.0	28.0	7.00	Đạt
213	21305251	B213	Lê Hồ	Nam	01/01/2003	Nam	6.0	7.5	5.0	6.5	25.0	6.25	Đạt
214	21305209	B214	Lê Thị	Nam	19/08/2003	Nữ	6.0	5.0	5.0	7.5	23.5	5.88	Đạt
215	23101014	B215	Nguyễn Duy	Nam	24/05/2005	Nam	7.0	7.0	8.0	6.5	28.5	7.13	Đạt
216	23903054	B216	Ksor H'	Nang	09/08/2004	Nữ	6.5	7.5	8.5	4.0	26.5	6.63	Đạt
217	20404034	B217	Nay H'	Nêp	01/01/2001	Nữ	4.0	7.5	3.5	4.0	19.0	4.75	Không đạt
218	20303015	B218	Nguyễn Thị Thúy	Nga	30/03/1998	Nữ	4.0	7.5	6.5	4.5	22.5	5.63	Đạt
219	22402070	B219	Trần Thị Thúy	Nga	28/02/2004	Nữ	5.5	7.5	9.5	7.0	29.5	7.38	Đạt
220	22305054	B220	Nguyễn Bích	Ngân	19/04/2004	Nữ	6.0	7.5	8.0	5.5	27.0	6.75	Đạt
221	20303016	B221	Nguyễn Thị	Ngân	09/02/2002	Nữ	7.0	7.5	9.5	4.0	28.0	7.00	Đạt
222	22101024	B222	Nguyễn Thị Bích	Ngân	11/11/2004	Nữ	8.5	6.5	7.0	7.5	29.5	7.38	Đạt
223	24307131	B223	Nguyễn Thị Thu	Ngân	08/10/2006	Nữ	6.5	7.5	7.0	6.5	27.5	6.88	Đạt
224	22402074	B224	Võ Thị Mỹ	Ngân	15/03/2004	Nữ	7.0	7.5	9.5	6.5	30.5	7.63	Đạt
225	23101016	B225	Phan Trọng	Nghĩa	08/09/2005	Nam	8.0	7.5	8.5	6.0	30.0	7.50	Đạt
226	21305101	B226	Trần Xuân	Nghiêm	05/12/2003	Nam	5.5	7.5	9.5	3.5	26.0	6.50	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
227	23902020	B227	Đinh Mong Như Chị Út	Ngọc	20/11/2005	Nữ	8.0	7.5	9.0	7.0	31.5	7.88	Đạt
228	22412065	B228	Hồ Thị Bích	Ngọc	02/12/2004	Nữ	5.0	7.5	9.0	3.0	24.5	6.13	Đạt
229	23301012	B229	Lương Thị Hồng	Ngọc	17/05/2005	Nữ	5.5	7.5	7.0	6.0	26.0	6.50	Đạt
230	22406030	B230	Nguyễn Hải Bảo	Ngọc	17/08/2004	Nữ	6.5	7.5	6.0	7.5	27.5	6.88	Đạt
231	21901036	B231	Nguyễn Hồng	Ngọc	02/02/2003	Nữ	7.0	7.5	9.5	2.5	26.5	6.63	Đạt
232	23105021	B232	Huỳnh Thị Phương	Nguyên	15/10/2005	Nữ	7.5	7.5	5.0	8.0	28.0	7.00	Đạt
233	22303006	B233	Nguyễn Tấn	Nguyên	22/10/2004	Nam	6.5	7.5	9.5	7.5	31.0	7.75	Đạt
234	21402118	B234	Nguyễn Văn	Nguyên	12/02/2003	Nam	7.0	7.5	9.0	7.5	31.0	7.75	Đạt
235	21305104	B235	Phạm Như Cao	Nguyên	21/10/2003	Nam	5.0	7.5	9.5	2.5	24.5	6.13	Đạt
236	20302027	B236	Tăng Thành	Nguyên	06/02/2002	Nam	6.0	7.5	8.0	3.0	24.5	6.13	Đạt
237	22401009	B237	Trần Trịnh Hùng	Nguyên	11/11/2003	Nam	6.0	7.5	8.5	1.0	23.0	5.75	Đạt
238	21403233	B238	Nông Thị Minh	Nguyệt	21/09/2003	Nữ	7.0	5.0	3.0	6.0	21.0	5.25	Đạt
239	21410146	B239	Cao Mậu Hùng	Nha	13/10/2003	Nam	5.5	7.0	9.5	2.5	24.5	6.13	Đạt
240	23403074	B240	Hà Thanh	Nhàn	06/02/2005	Nữ	1.5	6.0	9.0	0.5	17.0	4.25	Không đạt
241	20406087	B241	Trương	Nhân	07/03/2002	Nam	5.0	6.0	9.0	5.0	25.0	6.25	Đạt
242	23412039	B242	Lương Tuyết	Nhạn	09/01/2005	Nữ	5.5	6.5	9.5	6.0	27.5	6.88	Đạt
243	22305062	B243	Nguyễn Hoàng	Nhật	10/02/2004	Nam	7.0	7.0	9.0	5.0	28.0	7.00	Đạt
244	24305102	B244	Bê Thị Yến	Nhi	11/11/2006	Nữ	5.0	7.5	8.5	7.5	28.5	7.13	Đạt
245	22412067	B245	Bùi Thị Quỳnh	Nhi	18/10/2004	Nữ	7.5	6.5	9.0	7.5	30.5	7.63	Đạt
246	22305154	B246	Cao Quỳnh	Nhi	20/04/2004	Nữ	6.5	7.5	9.5	6.5	30.0	7.50	Đạt
247	23901040	B247	Đặng Trần Thảo	Nhi	07/04/2005	Nữ	7.0	3.5	4.5	8.5	23.5	5.88	Đạt
248	22406031	B248	Hà Yến	Nhi	29/07/2004	Nữ	7.5	7.5	9.0	7.5	31.5	7.88	Đạt
249	22601030	B249	Lương Yến	Nhi	09/03/2002	Nữ	7.5	7.5	8.0	7.5	30.5	7.63	Đạt
250	24604022	B250	Nông Thị Yên	Nhi	02/08/2006	Nữ	7.0	5.0	8.0	5.5	25.5	6.38	Đạt
251	22412037	B251	Trần Mai	Nhi	19/05/2004	Nữ	7.0	6.5	9.5	7.0	30.0	7.50	Đạt
252	23402145	B252	Trần Nguyễn Yến	Nhi	22/08/2005	Nữ	6.0	7.5	9.0	7.5	30.0	7.50	Đạt
253	20901120	B253	Rơ Mah	Nhiên	11/07/2001	Nữ	6.0	7.5	9.5	7.5	30.5	7.63	Đạt
254	22309026	B254	Đồng Lê Thị Quỳnh	Như	16/09/2004	Nữ	6.5	7.5	8.0	7.5	29.5	7.38	Đạt
255	21307154	B255	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	01/11/2003	Nữ	9.0	8.0	9.0	8.0	34.0	8.50	Đạt
256	22903051	B256	Ksor H'	Nhuên	10/01/2003	Nữ	2.0	7.0	9.0	3.0	21.0	5.25	Đạt
257	22309027	B257	H' - Đam -	Niê	20/01/2004	Nữ	4.0	6.0	5.0	4.5	19.5	4.88	Không đạt
258	22901039	B258	H - Diêu	Niê	11/09/2004	Nữ	6.0	4.0	5.0	6.0	21.0	5.25	Đạt
259	22309028	B259	H - Rina	Niê	16/05/2004	Nữ	5.0	5.5	9.0	5.5	25.0	6.25	Đạt
260	16608012	B260	H Blim	Niê	09/10/1997	Nữ	5.5	6.5	7.0	6.5	25.5	6.38	Đạt
261	21311105	B261	H Gloen	Niê	06/07/2002	Nữ	2.0	6.5	8.5	1.5	18.5	4.63	Không đạt
262	22302030	B262	H Nền	Niê	25/07/2002	Nữ	6.0	5.5	5.0	7.0	23.5	5.88	Đạt
263	22305070	B263	H Ngổ	Niê	11/02/2002	Nữ	5.0	5.5	9.0	7.0	26.5	6.63	Đạt
264	22903057	B264	H Nhung	Niê	17/08/2004	Nữ	2.0	7.0	9.5	3.0	21.5	5.38	Đạt
265	23901044	B265	H Nuel	Niê	25/12/2005	Nữ	6.0	7.0	7.5	6.0	26.5	6.63	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
266	23604011	B266	Nguyễn Thị Yến Nhi	Niê	08/05/2005	Nữ	7.0	5.5	9.0	8.5	30.0	7.50	Đạt
267	22303008	B267	Y Kiệt	Niê	26/07/2003	Nam							Vắng
268	23604012	B268	H Trà	Ntor	07/11/2005	Nữ	3.0	4.0	4.5	6.5	18.0	4.50	Không đạt
269	21305258	B269	Nguyễn Hồng	Nữ	15/10/2003	Nữ	6.0	7.0	5.0	6.5	24.5	6.13	Đạt
270	22403082	B270	Lê Thị Kiều	Oanh	08/07/2003	Nữ	5.0	7.0	5.5	6.5	24.0	6.00	Đạt
271	23902023	B271	Nông Thị	Oanh	18/01/2005	Nữ	5.0	5.5	3.0	5.0	18.5	4.63	Không đạt
272	23903065	B272	Siu H'	Ốk	28/09/2004	Nữ	4.0	6.0	8.5	3.0	21.5	5.38	Đạt
273	22303009	B273	Lê Thành	Phong	19/12/2003	Nam	3.0	7.0	7.0	4.5	21.5	5.38	Đạt
274	22302032	B274	Phạm Văn	Phong	25/04/2004	Nam	5.5	7.5	9.0	3.0	25.0	6.25	Đạt
275	23901047	B275	Hồ Minh	Phú	29/06/2004	Nam	6.5	7.0	9.5	5.0	28.0	7.00	Đạt
276	18103068	B276	Hoàng Xuân	Phú	16/07/2000	Nam	7.0	7.0	9.5	6.0	29.5	7.38	Đạt
277	22302021	B277	Phạm Đình	Phú	20/12/2004	Nam	6.0	7.0	9.5	6.0	28.5	7.13	Đạt
278	18303024	B278	Trần Văn	Phúc	08/07/1999	Nam	6.0	7.5	7.0	4.0	24.5	6.13	Đạt
279	23903067	B279	Siu - H'	Phúi	01/09/2005	Nữ	4.0	7.5	5.0	3.5	20.0	5.00	Đạt
280	22403084	B280	La Tiểu	Phụng	02/08/2004	Nữ	7.5	6.5	5.0	7.5	26.5	6.63	Đạt
281	21305263	B281	Đặng Đức	Phước	26/10/2003	Nam	8.0	6.5	3.0	6.5	24.0	6.00	Đạt
282	22902019	B282	Đào Thị	Phương	16/04/2004	Nữ	6.0	7.0	9.5	8.0	30.5	7.63	Đạt
283	22902020	B283	Lê Thị	Phương	06/01/2004	Nữ	7.0	7.5	9.0	6.5	30.0	7.50	Đạt
284	19404014	B284	Đỗ Nam	Quốc	28/05/2001	Nam	6.5	7.0	9.0	4.0	26.5	6.63	Đạt
285	22302022	B285	Nguyễn Thành	Quốc	21/06/2003	Nam	7.0	7.0	8.0	4.5	26.5	6.63	Đạt
286	22402097	B286	Hoàng Thị Diễm	Quyên	03/06/2004	Nữ	7.0	7.0	9.5	5.5	29.0	7.25	Đạt
287	23402093	B287	Nguyễn Thị	Quyên	26/09/2005	Nữ	8.0	7.0	9.0	7.5	31.5	7.88	Đạt
288	20305231	B288	Bùi Thị Như	Quỳnh	10/07/2002	Nữ	6.0	7.0	5.0	6.5	24.5	6.13	Đạt
289	23307151	B289	Lê Thị Trúc	Quỳnh	09/01/2005	Nữ	8.5	6.5	5.0	7.5	27.5	6.88	Đạt
290	23412051	B290	Nguyễn Lê Phương	Quỳnh	27/05/2005	Nữ	6.5	7.5	9.0	6.5	29.5	7.38	Đạt
291	23402095	B291	Nguyễn Phạm Nhật	Quỳnh	01/01/2005	Nữ	7.5	6.5	8.0	5.5	27.5	6.88	Đạt
292	22403095	B292	Phạm Thị Diễm	Quỳnh	25/04/2003	Nữ	6.0	7.5	2.0	2.0	17.5	4.38	Không đạt
293	24904027	B293	Phùng Thị Diễm	Quỳnh	09/09/2006	Nữ	6.5	7.5	9.0	6.0	29.0	7.25	Đạt
294	23301014	B294	Trần Thị Như	Quỳnh	05/08/2005	Nữ	7.5	7.0	9.0	7.0	30.5	7.63	Đạt
295	24901106	B295	Võ Lâm Ngọc	Quỳnh	11/02/2005	Nữ	8.5	8.5	9.0	2.5	28.5	7.13	Đạt
296	22604013	B296	H	Ra	17/05/2003	Nữ	5.0	6.0	3.0	2.5	16.5	4.13	Không đạt
297	16307323	B297	Ksor H	Rinsa	10/05/1996	Nữ	6.5	6.0	4.0	8.0	24.5	6.13	Đạt
298	23307154	B298	Nguyễn Huyền Cẩm	Sa	27/11/2005	Nữ	9.0	7.5	7.0	7.0	30.5	7.63	Đạt
299	22305083	B299	Hà Thanh	Sáng	12/06/2002	Nam	7.0	7.0	5.0	8.0	27.0	6.75	Đạt
300	21305136	B300	Võ Nguyên	Sinh	07/06/2003	Nam	7.0	5.5	9.5	4.0	26.0	6.50	Đạt
301	21305137	B301	Bùi Ngọc	Sơn	17/05/2003	Nam	6.5	5.5	9.5	3.0	24.5	6.13	Đạt
302	21306017	B302	Giàng Văn	Sơn	12/06/2001	Nam	6.0	7.5	9.5	7.0	30.0	7.50	Đạt
303	23305097	B303	Phạm Thái	Sơn	16/07/2005	Nam	6.0	7.5	9.5	1.5	24.5	6.13	Đạt
304	23101025	B304	Rah Lan H'	Sươn	25/02/2005	Nữ	6.5	6.5	2.5	3.0	18.5	4.63	Không đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
305	23903076	B305	Rcom - H'	Tabitha	21/03/2004	Nữ	5.0	6.5	7.0	1.5	20.0	5.00	Đạt
306	21311086	B306	Nguyễn Trọng	Tài	10/05/2003	Nam	9.0	7.5	9.0	5.5	31.0	7.75	Đạt
307	22304005	B307	Trần Thị Mỹ	Tài	26/09/2004	Nữ							Vắng
308	22302035	B308	Lê Quang	Tâm	17/12/2004	Nam	6.0	7.0	7.5	4.0	24.5	6.13	Đạt
309	22305087	B309	Nguyễn Bảo	Tâm	21/02/2004	Nam	6.0	7.5	9.0	5.0	27.5	6.88	Đạt
310	21406107	B310	Nguyễn Nhân	Tâm	12/08/2002	Nam	6.0	7.0	9.5	6.0	28.5	7.13	Đạt
311	22303012	B311	Nguyễn Quyết	Tâm	06/09/2003	Nam	5.0	7.5	9.0	6.5	28.0	7.00	Đạt
312	21404033	B312	Trần Nhật	Tân	22/12/2001	Nam	5.0	7.5	9.0	6.0	27.5	6.88	Đạt
313	22103059	B313	Cao Xuân	Tây	18/11/2004	Nam	2.5	8.0	9.0	2.5	22.0	5.50	Đạt
314	22309033	B314	Trần Thị Xuân	Thân	29/01/2004	Nữ	1.0	8.0	9.0	6.0	24.0	6.00	Đạt
315	22303014	B315	Hồ Văn Vũ	Thắng	19/09/2004	Nam							Vắng
316	22305088	B316	Nguyễn Thị	Thanh	25/09/2004	Nữ	3.0	7.5	8.5	5.5	24.5	6.13	Đạt
317	20307188	B317	Trần Thúy	Thanh	08/06/2003	Nữ	8.0	7.5	7.0	7.0	29.5	7.38	Đạt
318	23307161	B318	Nguyễn Phạm Tất	Thành	23/03/2005	Nam	7.5	7.5	8.5	7.0	30.5	7.63	Đạt
319	21305148	B319	Thái Việt	Thành	21/08/2003	Nam	3.5	7.5	9.0	4.0	24.0	6.00	Đạt
320	21402283	B320	Trần Công	Thành	20/03/2003	Nam	2.5	7.5	8.5	3.5	22.0	5.50	Đạt
321	21305152	B321	Trần Thị Kim	Thạnh	13/12/2003	Nữ	7.0	8.0	9.0	6.0	30.0	7.50	Đạt
322	20307192	B322	Lê Nguyễn Vy	Thảo	25/09/2002	Nữ	7.0	8.0	7.5	8.0	30.5	7.63	Đạt
323	23604015	B323	Lê Thị Kim	Thảo	20/06/2005	Nữ	7.5	9.0	9.0	7.0	32.5	8.13	Đạt
324	23901054	B324	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	19/10/2005	Nữ	6.0	7.0	9.0	7.0	29.0	7.25	Đạt
325	22403097	B325	Nguyễn Phương	Thảo	03/11/2004	Nữ	5.5	8.0	3.0	6.5	23.0	5.75	Đạt
326	20307193	B326	Nguyễn Thị	Thảo	15/04/2002	Nữ	5.5	9.0	9.0	6.0	29.5	7.38	Đạt
327	21305150	B327	Nguyễn Thị Hương	Thảo	28/03/2003	Nữ	2.5	9.0	8.5	5.0	25.0	6.25	Đạt
328	24901114	B328	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	25/07/2005	Nữ	8.0	7.0	9.0	6.5	30.5	7.63	Đạt
329	20307194	B329	Nông Thị Thu	Thảo	23/01/2002	Nữ	6.5	8.0	8.0	5.0	27.5	6.88	Đạt
330	21305151	B330	Trần Thị Thu	Thảo	25/01/2003	Nữ	6.0	7.0	9.0	6.5	28.5	7.13	Đạt
331	22403100	B331	Vũ Thị Phương	Thảo	02/02/2004	Nữ	7.0	7.5	9.5	6.0	30.0	7.50	Đạt
332	21404036	B332	Lê Ngọc Minh	Thi	25/01/2003	Nữ	5.5	7.5	8.5	6.5	28.0	7.00	Đạt
333	23101029	B333	Hứa Thị	Thí	17/04/2005	Nữ	7.0	4.0	4.5	7.5	23.0	5.75	Đạt
334	20103144	B334	Phạm Tấn	Thiện	10/02/2002	Nam	4.0	5.0	7.0	6.0	22.0	5.50	Đạt
335	23305161	B335	Nguyễn Đức	Thịnh	22/10/2003	Nam	6.0	7.0	9.0	6.5	28.5	7.13	Đạt
336	22412051	B336	Nguyễn Hồ Anh	Thư	21/11/2004	Nữ	8.0	6.0	9.0	7.0	30.0	7.50	Đạt
337	22402111	B337	Nguyễn Thị Anh	Thư	15/10/2004	Nữ	7.0	7.0	9.5	7.0	30.5	7.63	Đạt
338	23903085	B338	Phạm Trần Huyền	Thư	19/03/2005	Nữ	6.0	7.0	9.0	6.0	28.0	7.00	Đạt
339	21402169	B339	Trần Thị Hải	Thư	08/03/2003	Nữ	3.0	7.0	9.0	5.5	24.5	6.13	Đạt
340	22412052	B340	Vũ Anh	Thư	31/08/2004	Nữ	4.0	8.0	8.5	6.0	26.5	6.63	Đạt
341	23313020	B341	Lại Đức	Thuận	24/05/2005	Nam	7.0	6.5	9.5	7.0	30.0	7.50	Đạt
342	21305214	B342	Nguyễn Minh	Thuận	15/04/2002	Nam	1.0	7.0	3.0	5.5	16.5	4.13	Không đạt
343	20302029	B343	Đặng Hữu	Thuật	10/06/2001	Nam	4.0	7.5	2.5	5.0	19.0	4.75	Không đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						Kết quả
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	
344	23301016	B344	A	Thuê	29/03/2005	Nam	5.5	7.5	9.0	5.5	27.5	6.88	Đạt
345	23604016	B345	Nay H'	Thuưng	23/11/2003	Nữ	4.5	6.5	1.0	6.0	18.0	4.50	Không đạt
346	24903154	B346	Bùi Thị	Thương	15/06/2005	Nữ	5.0	6.5	8.5	7.0	27.0	6.75	Đạt
347	21311108	B347	Vũ Thị	Thuyền	09/05/2003	Nữ	7.5	7.0	9.0	6.0	29.5	7.38	Đạt
348	21601096	B348	Bùi Thị	Thúy	01/09/2002	Nữ	5.0	7.0	8.0	6.0	26.0	6.50	Đạt
349	24904029	B349	Nguyễn Thị	Thúy	31/10/2006	Nữ	3.0	7.0	8.5	7.0	25.5	6.38	Đạt
350	21607026	B350	Lê Thị	Thủy	20/10/2003	Nữ	5.5	7.0	7.5	5.0	25.0	6.25	Đạt
351	22305096	B351	Nguyễn Thị Thu	Thủy	10/09/2004	Nữ	6.0	7.0	4.5	3.0	20.5	5.13	Đạt
352	23402108	B352	Tạ Thị Thanh	Thủy	04/04/2005	Nữ	6.0	4.5	3.0	7.5	21.0	5.25	Đạt
353	23301017	B353	Trần Thị Thanh	Thuyền	10/05/2005	Nữ	5.0	7.0	8.0	6.5	26.5	6.63	Đạt
354	21307204	B354	Điều Thị	Tiểu	20/07/2002	Nữ	5.0	7.0	6.0	7.5	25.5	6.38	Đạt
355	22104012	B355	Hoàng Nguyễn Ngọc	Tiên	18/08/2004	Nữ	5.0	7.0	7.5	7.0	26.5	6.63	Đạt
356	20304018	B356	Đỗ Văn	Tiến	20/12/2002	Nam	4.5	6.5	9.0	4.5	24.5	6.13	Đạt
357	23311045	B357	Phan Huy	Tiếp	20/11/2005	Nam	8.5	6.5	6.0	7.0	28.0	7.00	Đạt
358	22303015	B358	Nguyễn Thanh	Tín	29/10/2004	Nam	8.0	7.0	4.5	7.0	26.5	6.63	Đạt
359	21402177	B359	Đào Thị Băng	Trâm	15/04/2003	Nữ	8.0	7.0	3.0	7.0	25.0	6.25	Đạt
360	23901061	B360	Đinh Phạm Thu	Trang	08/12/2005	Nữ	7.0	6.5	5.0	8.0	26.5	6.63	Đạt
361	21402172	B361	Đỗ Kiều	Trang	10/07/2003	Nữ	6.0	7.0	5.0	8.0	26.0	6.50	Đạt
362	21302033	B362	Nguyễn Ngọc Thùy	Trang	01/01/2003	Nữ	7.0	7.0	2.5	7.0	23.5	5.88	Đạt
363	23607054	B363	Nguyễn Thị Kim	Trang	21/05/2005	Nữ	7.0	7.0	9.0	4.0	27.0	6.75	Đạt
364	20302034	B364	Nguyễn Thị Thùy	Trang	24/06/2001	Nữ	2.0	7.5	4.0	7.0	20.5	5.13	Đạt
365	22903080	B365	Rmah H'	Trang	16/01/2004	Nữ	5.0	6.0	2.5	1.0	14.5	3.63	Không đạt
366	23102020	B366	Trần Thị Thùy	Trang	03/05/1995	Nữ							Vắng
367	22102010	B367	Trần Thị Thùy	Trang	20/05/2004	Nữ	8.5	7.0	6.0	6.0	27.5	6.88	Đạt
368	24607055	B368	Vũ Thị Huyền	Trang	04/03/2006	Nữ	1.0	7.0	4.5	1.0	13.5	3.38	Không đạt
369	21306015	B369	Lê Viết	Trí	10/08/2003	Nam	9.0	5.0	7.5	7.5	29.0	7.25	Đạt
370	22302024	B370	Phạm Trọng	Trí	23/06/2004	Nam	5.0	7.0	4.0	2.0	18.0	4.50	Không đạt
371	20903115	B371	Trịnh Thị Mai	Trình	29/06/2002	Nữ	3.0	7.0	4.0	4.0	18.0	4.50	Không đạt
372	22403115	B372	Trương Thị Kiều	Trình	15/02/2004	Nữ	9.0	7.5	7.5	3.5	27.5	6.88	Đạt
373	22309041	B373	A Lê H'	Trúc	21/03/2004	Nữ	5.0	7.0	3.5	4.0	19.5	4.88	Không đạt
374	22413016	B374	Chu Thị	Tú	29/07/2004	Nữ	7.0	6.5	8.0	6.0	27.5	6.88	Đạt
375	21406140	B375	Lê Thanh	Tú	25/10/2003	Nam	1.0	5.5	8.0	6.0	20.5	5.13	Đạt
376	21305188	B376	Trần Thị Ngọc	Tú	23/06/2003	Nữ	2.0	7.5	9.5	1.0	20.0	5.00	Đạt
377	22102013	B377	Nguyễn Duy Anh	Tuấn	14/11/2004	Nam	3.0	7.5	9.5	2.5	22.5	5.63	Đạt
378	22303017	B378	Nguyễn Hồng Thái	Tuấn	10/08/2004	Nam	5.0	6.0	9.5	7.0	27.5	6.88	Đạt
379	21402189	B379	Phạm Thanh	Tuấn	07/10/2003	Nam	3.0	6.0	9.0	2.5	20.5	5.13	Đạt
380	21305184	B380	Phan Anh	Tuấn	13/06/2002	Nam	5.0	5.0	9.0	3.0	22.0	5.50	Đạt
381	21303020	B381	Rơ Châm	Tuê	11/02/2003	Nam	3.0	6.5	7.0	0.5	17.0	4.25	Không đạt
382	20305181	B382	Phan Ngọc	Tùng	08/01/2002	Nam	5.0	7.0	9.5	3.0	24.5	6.13	Đạt

TT	Mã SV	SBD	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
383	22305121	B383	Vũ Thanh	Tùng	02/01/2004	Nam	5.0	6.0	7.0	4.5	22.5	5.63	Đạt
384	22403116	B384	Hoàng Thị Kim	Tuyền	23/03/2004	Nữ	7.0	6.5	8.5	5.5	27.5	6.88	Đạt
385	21607107	B385	Hồ Thị	Tuyết	18/04/2003	Nữ	4.5	7.5	8.5	7.0	27.5	6.88	Đạt
386	23402125	B386	Trần Thị	Tuyết	06/06/2005	Nữ	6.0	7.5	8.5	7.5	29.5	7.38	Đạt
387	19305165	B387	Nguyễn Quốc	Uy	10/11/2001	Nam	6.5	7.5	9.0	3.0	26.0	6.50	Đạt
388	22403120	B388	Phan Thụy Đắc	Uyên	18/08/2004	Nữ	6.0	7.5	8.5	7.5	29.5	7.38	Đạt
389	22403123	B389	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	05/04/2004	Nữ	5.0	7.0	8.5	3.5	24.0	6.00	Đạt
390	21305195	B390	Nguyễn Thị Thanh	Vân	02/09/2003	Nữ							Vắng
391	23604020	B391	Thị H'	Vân	06/07/2004	Nữ	6.0	6.5	8.0	6.5	27.0	6.75	Đạt
392	24901140	B392	Võ Thảo	Vân	23/01/2006	Nữ	8.0	8.0	8.0	6.0	30.0	7.50	Đạt
393	22403124	B393	Vũ Thị Thúy	Vân	04/01/2004	Nữ	7.0	7.0	7.5	7.0	28.5	7.13	Đạt
394	24904036	B394	Đào Thị Khánh	Vi	29/05/2006	Nữ	4.5	7.5	8.0	7.0	27.0	6.75	Đạt
395	20305135	B395	Ngô Quý Đại	Việt	11/12/2002	Nam	5.0	7.5	8.5	6.5	27.5	6.88	Đạt
396	22304007	B396	Phạm Tân	Việt	18/08/2004	Nam	3.5	7.0	5.0	2.5	18.0	4.50	Không đạt
397	21404039	B397	Hà Ngọc	Vinh	22/09/2003	Nam	5.0	7.0	9.0	4.0	25.0	6.25	Đạt
398	21305295	B398	Nguyễn Trà	Vinh	01/06/2003	Nữ	8.0	7.0	9.0	7.5	31.5	7.88	Đạt
399	22302025	B399	Đặng Nguyên	Vũ	07/05/2004	Nam	5.0	7.0	7.5	6.5	26.0	6.50	Đạt
400	22305132	B400	Nguyễn Anh	Vũ	23/09/2004	Nam	7.0	7.0	7.5	6.0	27.5	6.88	Đạt
401	23608017	B401	Y -	Vung	26/08/2004	Nữ	5.0	7.0	9.0	5.0	26.0	6.50	Đạt
402	20307245	B402	Tô Thị Kim	Vượng	04/02/2001	Nữ	7.0	7.5	8.0	7.5	30.0	7.50	Đạt
403	22105009	B403	Hoàng Thảo	Vy	02/09/2003	Nữ	7.0	7.5	5.5	6.5	26.5	6.63	Đạt
404	22403128	B404	Nông Thị Tường	Vy	30/04/2004	Nữ	4.0	7.5	8.5	5.5	25.5	6.38	Đạt
405	22902029	B405	Sùng Thị	Xe	01/06/2004	Nữ	5.5	7.0	7.5	7.0	27.0	6.75	Đạt
406	20403292	B406	Huỳnh Thị Hồng	Xuân	24/11/2002	Nữ	5.0	5.5	3.0	3.5	17.0	4.25	Không đạt
407	22406057	B407	Đặng Thị	Xuyến	01/02/2004	Nữ	7.0	7.0	9.0	7.0	30.0	7.50	Đạt
408	20604018	B408	Y - Sanka Buôn	Yă	19/12/2002	Nam	7.0	7.5	9.0	6.0	29.5	7.38	Đạt
409	22403137	B409	Nguyễn Ngọc Thu	Yến	08/03/2004	Nữ	7.0	8.0	7.5	8.0	30.5	7.63	Đạt

Tổng số thí sinh theo danh sách:

409

Số thí sinh tham gia:

394

Số thí sinh hoãn thi:

1

Số thí sinh vắng:

14

Số thí sinh đạt:

348

Số thí sinh không đạt:

46

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS-TS. Nguyễn Văn Nam